TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07/7/2021
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hưng.

2. Ông Hồ Xuân Giao.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXX - ST ngày 18/6/2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lý Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 00 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

+ Bị đơn: Ông Nguyễn H; sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 00 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lý Th trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn H chung sống với nhau từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/11/1999. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Khoảng đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thay đổi tính nết trở nên hung hãn, nên thường xuyên bạo hành chửi bới

đánh đập bà, đập phá tài sản xe máy của bà. Sự việc trên xảy ra ngày một trầm trọng. Chính quyền địa phương đã hòa giải song không có kết quả. Hiện tại để đảm bảo an toàn cho bản thân bà đã phải ra ngoài sống ly thân khoảng 3 tháng nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt. Vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Do vậy, bà Th làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn H.

+ Tại bản tự khai ngày 11/ 01/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Lý Th sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/11/1999. Quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi ông được gia đình cho mua tiền mua 01 chiếc xe ô tô. Sau khi có xe ông đã hợp đồng với trường học chạy xe đưa đón học sinh nhưng không không có hiệu quả. Do đó ông phải bán xe sau đó đi lái xe thuê. Tuy nhiên, sau đó do tình hình dịch bệnh Covid nên ông không có việc làm, do bế tắc trong công việc nên nhiều lúc ông cáu giận vợ con vô cớ. Mặt khác bà Th sau khi xin vào công ty làm công tiếp thị chào hàng nên thường xuyên rượu bia tiếp khách, đi sớm về khuya. Ông có nhắc nhở nhiều lần nhưng bà Th không thay đổi, nên có đôi khi không làm chủ được bản thân ông có tát bà Th vài cái. Do vậy, bà Th mới nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn. Nguyện vọng của ông H vẫn mong muốn được đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, nếu bà Th nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Bà Th và ông H xác định: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 02 người con chung là: Nguyễn Đình H1, sinh năm 2000; Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/11/2004.

Nguyện vọng của bà Th về con chung bà xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/11/2004 cho đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên, không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với Nguyễn Đình H1; sinh năm 2000 hiện nay đã lớn nên cháu ở với ai là tùy cháu. Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của ông H về con chung hiện nay do các con đã lớn nên ông cho các con tự chọn cuộc sống của mình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lý Th ông Nguyễn H thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2021 cháu Nguyễn Đình H2 có nguyện vọng xin được sống với mẹ.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột thể hiện: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Lý Th chung sống với nhau từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện có Đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/11/1999. Khoảng năm 2017 đến nay ông H bà Th chuyển đến sống tại số 00 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình sinh sống tại địa phương thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H thường

uống rượu về bạo lực với bà Th, tổ dân phố đã nhắc nhỡ nhiều lần song không có kết quả.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lý Th vẫn giữ quan điểm đề nghị HĐXX cho bà được ly hôn ông Nguyễn H. Về con chung bà Th xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/11/2004 cho đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên, không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với Nguyễn Đình H1; sinh năm 2000 hiện nay đã lớn nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th. Về con chung ông đống ý giao cháu Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/11/2004 cho bà Th nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung ông và bà Th tự thòa thuận. Đối với cháu Nguyễn Đình H1, sinh năm 2000 hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn xét xử, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 71, Điều 72; Điều 203; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lý Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Lý Th ly hôn ông Nguyễn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/11/2004 cho bà Nguyễn Thị Lý Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, về cấp dưỡng tiền nuôi con chung bà Th không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Đình H1, sinh năm 2000, hiện nay anh H1 đã đủ tuổi thành niên do vậy anh H1 có quyền tự chọn cuộc sống riêng của mình nên không cần đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lý Th, ông Nguyễn H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lý Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lý Th, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Lý Th khởi kiện bị đơn ông Nguyễn H cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lý Th và ông Nguyễn H chung sống với nhau từ năm từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện có Đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/11/1999. Như vậy, hôn nhân của bà Th, ông H là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn bà Th ông H chỉ sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xô xát lẫn nhau. Từ những khúc mắc, mâu thuẫn ban đầu nhưng ông bà không tự dàn xếp được dẫn đến mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Hiện tại bà Th đã sống ly thân nhau không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ông H vẫn có nguyện vọng xin được đoàn tụ gia đình. Song, tại phiên tòa ông Nguyễn H cũng có nguyện vọng xin được ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương ông H và bà Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông H thường uống rượu về bạo lực với bà Th, tổ dân phố đã nhắc nhở nhiều lần song không có kết quả. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà Th và ông H không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mặt khác, tại phiên tòa ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Lý Th

đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lý Th và ông Nguyễn H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Th, ông H có 02 người con chung là anh Nguyễn Đình H1; sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/11/2004. Hiện nay anh H1 đã đủ tuổi thành niên anh H1 có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/11/2004, quá trình giải quyết vụ án cháu có nguyện vọng sống với mẹ, bản thân bà Th cũng có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu H2. Tại phiên tòa ông H cũng đồng ý giao cháu H2 cho bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Đình H2 cho bà Nguyễn Thị Lý Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Lý Th và ông Nguyễn H tự thỏa thuận không yêu cầu nên, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lý Th, ông Nguyễn H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Lý Th tự nguyện nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/00013617 ngày 24/12/2020.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 59 Điều 81 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình .

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lý Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lý Th và ông Nguyễn H

- Về con chung: Ghi nhận việc thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Lý Th và ông Nguyễn H: Giao cháu Nguyễn Đình H2, sinh ngày 09/11/2004 cho bà Nguyễn

Thị Lý Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên.

Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh H2 xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Lý Th và ông Nguyễn H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Đối với anh Nguyên Đình H1, sinh năm 2000. Hiện nay đã thành niên anh H1 có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Lý Th, ông Nguyễn H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết

3 Về án phí: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Lý Th tự nguyện nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/00013617 ngày 24/12/2020.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường Th;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền